

Số: 22/2019/TT-BYT

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2019

THÔNG TƯ

**Quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể
sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần**

*Căn cứ Luật giám định tư pháp số 13/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính
phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;
Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh,
Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương
cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần.*

Điều 1. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể

Ban hành kèm theo Thông tư này bảng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể hay tổn hại sức khỏe sau đây được gọi chung là tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể (sau đây viết tắt là tỷ lệ % TTCT) sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, bao gồm:

1. Bảng 1: Tỷ lệ % TTCT do thương tích sử dụng trong giám định pháp y;
2. Bảng 2: Tỷ lệ % TTCT do bệnh, tật sử dụng trong giám định pháp y;
3. Bảng 3: Tỷ lệ % TTCT do di chứng rối loạn tâm thần và hành vi sau chấn thương, vết thương sọ não sử dụng trong giám định pháp y tâm thần;
4. Bảng 4: Tỷ lệ % TTCT do bệnh rối loạn tâm thần và hành vi sử dụng trong giám định pháp y.

Điều 2. Nguyên tắc giám định

1. Giám định để xác định tỷ lệ % TTCT phải được thực hiện trên người cần giám định, trừ trường hợp được quy định tại Khoản 2 Điều này.
2. Giám định để xác định tỷ lệ % TTCT được thực hiện trên hồ sơ trong trường hợp người cần giám định đã bị chết hoặc bị mất tích hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Khi giám định trên hồ sơ, tỷ lệ % TTCT được xác định ở mức thấp nhất của khung tỷ lệ tương ứng với các tỷ lệ % TTCT.

3. Tỷ lệ % TTCT được xác định tại thời điểm giám định.



Điều 3. Nguyên tắc xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể

1. Tổng tỷ lệ % TTCT của một người phải nhỏ hơn 100%.
2. Mỗi bộ phận cơ thể bị tổn thương chỉ được tính tỷ lệ % TTCT một lần. Trường hợp bộ phận này bị tổn thương nhưng gây biến chứng, di chứng sang bộ phận thứ hai đã được xác định thì tính thêm tỷ lệ % TTCT do biến chứng, di chứng tổn thương ở bộ phận thứ hai.
3. Nếu nhiều TTCT là triệu chứng thuộc một hội chứng hoặc thuộc một bệnh đã được ghi trong các Bảng tỷ lệ % TTCT thì tỷ lệ % TTCT được xác định theo hội chứng hoặc theo bệnh đó.
4. Khi tính tỷ lệ % TTCT chỉ lấy đến hai chữ số hàng thập phân. Ở kết quả cuối cùng thì làm tròn để có tổng tỷ lệ % TTCT là số nguyên (nếu số hàng thập phân bằng hoặc lớn hơn 0,5 thì làm tròn số thành 01 đơn vị).
5. Khi tính tỷ lệ % TTCT của một bộ phận cơ thể có tính chất đối xứng, hiệp đồng chức năng mà một bên bị tổn thương hoặc bệnh lý có sẵn đã được xác định, thì tính cả tỷ lệ % TTCT đối với bộ phận bị tổn thương hoặc bệnh lý có sẵn đó.
Ví dụ: Một người đã bị cắt thận phải trước đó, nếu lần này bị chấn thương phải cắt thận trái thì tỷ lệ % TTCT được tính là mất cả hai thận.
6. Khi giám định, căn cứ tổn thương thực tế và mức độ ảnh hưởng của tổn thương đến cuộc sống, nghề nghiệp của người cần giám định, giám định viên đánh giá, xác định tỷ lệ % TTCT trong khung tỷ lệ tương ứng với Bảng tỷ lệ % TTCT.
7. Đối với các bộ phận cơ thể đã bị mất chức năng, nay bị tổn thương thì tỷ lệ % TTCT được tính bằng 30% tỷ lệ % TTCT của bộ phận đó.
8. Trường hợp trên cùng một người cần giám định mà vừa phải giám định pháp y lại vừa phải giám định pháp y tâm thần (theo quyết định trưng cầu/yêu cầu), thì tổ chức giám định thực hiện giám định sau tổng hợp (cộng) tỷ lệ % TTCT của người cần giám định theo phương pháp xác định tỷ lệ % TTCT quy định tại Điều 4 Thông tư này.

Điều 4. Phương pháp xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể

1. Việc xác định tỷ lệ % TTCT được tính theo phương pháp cộng như sau:

$$\text{Tổng tỷ lệ \% TTCT} = T1 + T2 + T3 + \dots + Tn; \text{ trong đó:}$$
 - a) T1: Được xác định là tỷ lệ % TTCT của TTCT thứ nhất (nằm trong khung tỷ lệ các TTCT được quy định tại Thông tư này).
 - b) T2: là tỷ lệ % của TTCT thứ hai:

$$T2 = (100 - T1) \times \text{tỷ lệ \% TTCT thứ 2/100};$$
 - c) T3: là tỷ lệ % của TTCT thứ ba:

$$T_3 = (100 - T_1 - T_2) \times \text{tỷ lệ \% TTCT thứ 3/100};$$

d) T_n : là tỷ lệ % của TTCT thứ n:

$$T_n = \{100 - T_1 - T_2 - T_3 - \dots - T_{(n-1)}\} \times \text{tỷ lệ \% TTCT thứ n/100}.$$

đ) Tổng tỷ lệ % TTCT sau khi được làm tròn số là kết quả cuối cùng.

2. Ví dụ:

a) Một đối tượng có nhiều tổn thương:

Ông Nguyễn Văn A được xác định có 03 tổn thương:

- Cụt 1/3 giữa cánh tay phải, khung tỷ lệ % TTCT từ 61 - 65%;
- Mù mắt trái chưa khoét bỏ nhãn cầu, tỷ lệ % TTCT là 41%;
- Nghe kém trung bình hai tai mức độ I, tỷ lệ % TTCT từ 21 - 25%.

Áp dụng phương pháp nêu trên, tổng tỷ lệ % TTCT của ông Nguyễn Văn A được tính như sau:

- $T_1 = 63\%$ (tỷ lệ % TTCT quy định tại Thông tư này từ 61-65%, giám định viên có thể đánh giá, xác định tỷ lệ % TTCT là 61%, 62%, 63%, 64% hoặc 65%. Ví dụ trường hợp này giám định viên lấy tỷ lệ TTCT là 63%).

$$- T_2 = (100 - 63) \times 41/100 \% = 15,17 \%$$

- T_3 : Nghe kém trung bình hai tai mức độ I, tỷ lệ % TTCT được quy định trong Thông tư này từ 21% - 25%. Giám định viên có thể đánh giá, xác định tỷ lệ % TTCT trong khoảng từ 21% đến 25%. Ví dụ trường hợp này giám định viên lấy tỷ lệ % TTCT là 22%, thì tỷ lệ % TTCT của ông A được tính là:

$$T_3 = (100 - 63 - 15,17) \times 22/100 \% = 4,80\%$$

Tổng tỷ lệ % TTCT của ông Nguyễn Văn A là : $63\% + 15,17 \% + 4,80\% = 82,97 \%$, làm tròn số là 83%.

Kết luận: Tổng tỷ lệ % TTCT của ông Nguyễn Văn A là 83%.

b) Một người cần phải giám định tại hai tổ chức: (1) Giám định pháp y và (2) Giám định pháp y tâm thần:

Ông Nguyễn Văn B (ông B) đã được tổ chức giám định pháp y giám định với kết luận tổng tỷ lệ % TTCT là 45% (T_1).

Sau đó ông B đến giám định tại tổ chức giám định pháp y tâm thần, tổ chức này kết luận tỷ lệ % TTCT là của ông B là 37%, tổ chức giám định pháp y tâm thần này tổng hợp tổng tỷ lệ % TTCT của ông B như sau:

T_1 đã được xác định là 45 %; T_2 được xác định như sau:

$$T_2 = (100 - 45) \times 37/100 = 20,35 \%$$

Tổng tỷ lệ % TTCT của ông B là $= (T_1 + T_2)$.

Tổng tỷ lệ % TTCT của ông Nguyễn Văn B là: $45\% + 20,35\% = 65,35\%$.

Kết luận: Tổng tỷ lệ % TTCT của ông Nguyễn Văn B là 65 %.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

Những trường hợp vụ việc xảy ra trước ngày Thông tư này có hiệu lực, kể cả yêu cầu, trung cầu sau thời điểm Thông tư này có hiệu lực nhưng sự việc xảy ra trước ngày Thông tư có hiệu lực thì áp dụng theo quy định của Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Cục Quản lý Khám, chữa bệnh - Bộ Y tế chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Các Vụ trưởng, Cục trưởng, Tổng Cục trưởng thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức giám định pháp y, pháp y tâm thần và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Y tế (Cục Quản lý Khám, chữa bệnh) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội, Ủy ban tư pháp (để giám sát);
- Văn phòng Chính phủ (Công báo, Cổng thông tin điện tử CP);
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Cục Hỗ trợ tư pháp);
- Các Bộ: Công an, Quốc phòng;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Viện PYQG, Viện PYTTTW, Viện PYTTTW Biên Hòa, Công TTĐT BHYT;
- Viện Pháp y quân đội, Viện KHHS Bộ Công an;
- Sở Y tế tỉnh/thành phố trực thuộc TW;
- TTPY tỉnh/thành phố trực thuộc TW;
- TTPYTT khu vực trực thuộc BHYT;
- Bộ Y tế: Các Vụ, Cục, Tổng cục, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ (để thực hiện);
- Lưu: VT, KCB, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Viết Tiến

Bảng 1**TỶ LỆ PHẦN TRĂM TỔN THƯƠNG CƠ THỂ
DO THƯƠNG TÍCH**

*(Kèm theo Thông tư số 22 /TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

Chương 1**TỶ LỆ PHẦN TRĂM TỔN THƯƠNG CƠ THỂ
DO TỔN THƯƠNG XƯƠNG SỌ VÀ HỆ THẦN KINH**

Mục	Tổn thương	Tỷ lệ %
I.	Tổn thương xương sọ	
1.	Mê hoặc mất bàn ngoài xương sọ	
1.1.	Đường kính hoặc chiều dài từ 3cm trở xuống	5 - 7
1.2.	Đường kính hoặc chiều dài trên 3cm	11 - 15
2.	Nứt, vỡ xương vòm sọ	
2.1.	Chiều dài đường nứt, vỡ dưới 3cm	8 - 10
2.2.	Chiều dài đường nứt, vỡ dưới 3cm, điện não có ổ tổn thương tương ứng	11 - 15
2.3.	Chiều dài đường nứt, vỡ từ 3cm đến 5cm, điện não có ổ tổn thương tương ứng	16 - 20
2.4.	Chiều dài đường nứt, vỡ trên 5cm, điện não có ổ tổn thương tương ứng	21 - 25
	<i>* Ghi chú: Nếu đường nứt, vỡ lan từ vòm sọ xuống nền sọ: - Tính tỷ lệ % TTCT theo kích thước đường nứt, vỡ. - Lấy phần ưu thế/tính theo phần lớn hơn/lấy tỷ lệ % TTCT ở mức tối đa.</i>	
3.	Nứt, vỡ nền sọ	
3.1	Chiều dài đường nứt, vỡ dưới 5cm	16 - 20
3.2.	Chiều dài đường nứt, vỡ dưới 5cm, điện não có ổ tổn thương tương ứng	21 - 25
3.3	Chiều dài đường nứt, vỡ từ 5cm trở lên, điện não có ổ tổn thương tương ứng	26 - 30
3.4	Nứt, vỡ nền sọ để lại di chứng rò nước não tủy vào tai hoặc mũi điều trị không kết quả	61 - 65
4.	Lún xương sọ	
4.1.	Lún bàn ngoài xương sọ kích thước hoặc đường kính dưới 3cm	8 - 10
4.2.	Lún bàn ngoài xương sọ kích thước hoặc đường kính dưới 3cm, điện não có ổ tổn thương tương ứng	11 - 15